

Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ

V, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 642/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, giữa:

+ **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị H, sinh năm 1975

+ **Bị đơn:** Ông Trương Đình N, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Số 935/12/1 Bình Giã, phường 10, thành phố V, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị H và ông Trương Đình N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H và ông Trương Đình N thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Trương Đình Bảo D, sinh ngày 9/8/2007, theo nguyện vọng của con, bà Dương Thị H và ông Trương Đình N thỏa thuận giao con cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trương Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời gian bắt đầu tính từ ngày 01/01/2024 cho đến khi cháu Trương Đình Bảo D trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, bà Dương Thị H và ông Trương Đình N đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Trương Đình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung:

- Xác định 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 43 có diện tích 156,5m² tọa lạc tại số 935/12/1 Bình Giã, phường 10, thành phố V, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 210092 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/7/2018 là tài sản chung của vợ chồng bà Dương Thị H và ông Trương Đình N, các đương sự thoả thuận chia như sau:

- Bà Dương Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 156,5m² và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa 8, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại số: 935/12/1 Bình Giã, phường 10, thành phố V, tỉnh B (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 210092 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/7/2018).

- Bà Dương Thị H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

- Bà Dương Thị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà đất nêu trên cho ông Trương Đình N với số tiền 1.765.000.000đ (một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng), thời hạn thanh toán được thực hiện vào ngày 20/02/2024.

+ Về nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Trương Đình N xác nhận không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

+ Về chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ, trích lục hồ sơ: Chi hết số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), bà Dương Thị H tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Về án phí:

- Bà Dương Thị H phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia là 32.346.144đ (ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng cộng số tiền án phí bà Dương Thị H phải

nộp là 32.421.144đ (ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi một ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 21.300.000đ (hai mươi một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001265 và số 0001266 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, bà Dương Thị H còn tiếp tục phải nộp số tiền 11.121.144đ (mười một triệu một trăm hai mươi một ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng) án phí.

- Ông Trương Đình N phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia là 32.475.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Tổng số tiền án phí ông Trương Đình N phải nộp là 32.700.000đ (ba mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND phường 8, TP V;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Phan Thị Yến Oanh